

BIỂU TỔNG HỢP
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NSDP NĂM 2021 TỈNH LAI CHÂU

(Theo Công văn số 451/KTNN-TH ngày 19/7/2022 của Kiểm toán nhà nước)

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị chưa thực hiện theo Công văn số 628/KV VII-NS3 ngày 28/11/2024	Số kiến nghị đã thực hiện đến 24/3/2025	Số còn lại chưa thực hiện	Ghi chú
A	B	1	2	3=1-2	
	<u>TỔNG SỐ</u>	<u>78.808.234.929</u>	<u>0</u>	<u>78.808.234.929</u>	
A	KIỂM TOÁN NSDP NĂM 2021	78.808.234.929	0	78.808.234.929	
I	Kiến nghị về xử lý tài chính	2.218.446.183	0	2.218.446.183	
1	Thu hồi, nộp NSNN các khoản chi sai quy định	2.155.962.400	0	2.155.962.400	Có biểu chi tiết số 01.1 kèm theo
	<i>Chi xây dựng cơ bản</i>	<i>2.155.962.400</i>	<i>0</i>	<i>2.155.962.400</i>	
2	Giảm dự toán, thanh toán năm sau	62.483.783	0	62.483.783	Có biểu chi tiết số 01.2 kèm theo
	<i>Chi xây dựng cơ bản</i>	<i>62.483.783</i>	<i>0</i>	<i>62.483.783</i>	
II	Kiến nghị xử lý khác	76.589.788.746	0	76.589.788.746	Có biểu chi tiết số 01.3 kèm theo
1	Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính đối với nội dung tạm ứng từ ngân sách Trung ương	4.480.000.000	0	4.480.000.000	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	50.647.685.730	0	50.647.685.730	
-	<i>Phối hợp với Sở Tài chính rà soát các tài liệu về việc trung ương bố trí vốn để hạch toán thu hồi nguồn vốn ứng trước dự toán năm sau từ NSTW</i>	<i>46.496.685.730</i>	<i>0</i>	<i>46.496.685.730</i>	
-	<i>Bố trí nguồn vốn thu hồi tạm ứng ứng trước dự toán năm sau ngân sách tỉnh</i>	<i>4.151.000.000</i>	<i>0</i>	<i>4.151.000.000</i>	

STT	Nội dung	Số kiến nghị chưa thực hiện theo Công văn số 628/KV VII-NS3 ngày 28/11/2024	Số kiến nghị đã thực hiện đến 24/3/2025	Số còn lại chưa thực hiện	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1-2</i>	
3	Kho bạc nhà nước tỉnh: Đơn đốc thu hồi tạm ứng quá hạn chưa thu hồi của các dự án	1.183.108.016	0	1.183.108.016	
4	UBND Thành phố: Phòng Tài chính - Kế hoạch thu hồi tạm ứng	20.126.000.000	0	20.126.000.000	
5	UBND huyện Tam Đường: Thu hồi tạm ứng	152.995.000		152.995.000	

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ THU HỒI, NỢP NSNN CÁC KHOẢN CHI SAI QUY ĐỊNH

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số kiến nghị chưa thực hiện theo Công văn số 628/KV VII-NS3 ngày 28/11/2024	Trong đó		Số kiến nghị đã thực hiện đến 24/3/2025	Trong đó		Số còn lại chưa thực hiện	Trong đó		Bảng chứng thực hiện	Ghi chú
			Thường xuyên	XDCB		Thường xuyên	XDCB		Thường xuyên	XDCB		
	TỔNG SỐ	2.155.962.400	0	2.155.962.400	0	0	0	2.155.962.400		2.155.962.400		
I	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Lai Châu	2.155.962.400		2.155.962.400	0		0	2.155.962.400		2.155.962.400		
1	Trường THPT Dân tộc nội trú Ka Lăng, huyện Mường tè (Giai đoạn II)	451.374.000		451.374.000	0		0	451.374.000		451.374.000		
-	Gói thầu xây lắp nhà nội trú học sinh 127 phòng	270.560.000		270.560.000	0			270.560.000		270.560.000		
-	Gói thầu xấp lắp nhà lớp học bộ môn + thư viện và các hạng mục phụ trợ	131.559.000		131.559.000	0			131.559.000		131.559.000		
-	Gói thầu chống mối	49.255.000		49.255.000	0			49.255.000		49.255.000		
2	Nhà ở học sinh người đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lai Châu	288.533.000		288.533.000	0		0	288.533.000		288.533.000		
-	Gói thầu số 09: San nền công trình	82.797.000		82.797.000	0			82.797.000		82.797.000		
-	Gói thầu số 10: Xây lắp Nhà khối 01	123.206.000		123.206.000	0			123.206.000		123.206.000		
-	Gói thầu số 12: Chống mối	64.916.000		64.916.000	0			64.916.000		64.916.000		
-	Gói thầu số 13: Xây lắp hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ	17.614.000		17.614.000	0			17.614.000		17.614.000		
3	Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh Lai Châu	1.416.055.400		1.416.055.400	0		0	1.416.055.400		1.416.055.400		
-	Gói thầu số 10: Nhà hiệu bộ	85.523.000		85.523.000	0			85.523.000		85.523.000		
-	Gói thầu số 12: Nhà giảng đường số 04	75.812.000		75.812.000	0			75.812.000		75.812.000		
-	Gói thầu số 13: Trạm biến áp và lưới điện 0,4kv; đường ống cấp nước và bể chứa	331.923.000		331.923.000	0			331.923.000		331.923.000		
-	Gói thầu số 16: Nhà hội trường	6.042.000		6.042.000	0			6.042.000		6.042.000		
-	Gói thầu số 17: Chống mối nhà hội trường, thư viện, nhà xưởng, nhà thi đấu	86.360.000		86.360.000	0			86.360.000		86.360.000		
-	Gói thầu số 19: Hạ tầng và các hạng mục phụ trợ	247.523.000		247.523.000	0		0	247.523.000		247.523.000		
+	Công ty TNHH MTV Ánh Bình Minh	247.523.000		247.523.000	0			247.523.000		247.523.000		

TT	Nội dung	Số kiến nghị chưa thực hiện theo Công văn số 628/KV VII-NS3 ngày 28/11/2024	Trong đó		Số kiến nghị đã thực hiện đến 24/3/2025	Trong đó		Số còn lại chưa thực hiện	Trong đó		Bảng chứng thực hiện	Ghi chú
			Thường xuyên	XDCB		Thường xuyên	XDCB		Thường xuyên	XDCB		
-	Gói thầu số 33: Nhà vườn thực nghiệm, nhà để xe sinh viên, sân vận động	137.498.000		137.498.000	0		0	137.498.000		137.498.000		
+	Công ty TNHH tư vấn và XD Lạc Hồng	26.566.000		26.566.000	0			26.566.000		26.566.000		
+	Công ty TNHH MTV XD và TM Hải Tiến	110.932.000		110.932.000	0			110.932.000		110.932.000		
-	Gói thầu số 32: Hệ thống chống sét lan truyền	99.000		99.000	0			99.000		99.000		
-	CP quản lý dự án	14.219.400		14.219.400	0			14.219.400		14.219.400		
-	Chi phí thiết kế quy hoạch	171.736.000		171.736.000	0			171.736.000		171.736.000		
-	Chi phí công bố quy hoạch	1.500.000		1.500.000	0			1.500.000		1.500.000		
-	Chi phí khảo sát thiết kế gói thầu số 10,11,12,13	257.729.000		257.729.000	0			257.729.000		257.729.000		
-	Chi phí khảo sát thiết kế BVTC-DT gói thầu số 33	91.000		91.000	0			91.000		91.000		

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ GIẢM DỰ TOÁN, THANH TOÁN NĂM SAU
(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số kiến nghị chưa thực hiện theo Công văn số 628/KV VII-NS3 ngày 28/11/2024	Trong đó		Số kiến nghị đã thực hiện đến 24/3/2025	Trong đó		Số còn lại chưa thực hiện	Trong đó		Bảng chứng thực hiện	Ghi chú
			Thường xuyên	XDCB		Thường xuyên	XDCB		Thường xuyên	XDCB		
	TỔNG SỐ	62.483.783	0	62.483.783	0	0	0	62.483.783	0	62.483.783		
A	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021	62.483.783	0	62.483.783	0	0	0	62.483.783	0	62.483.783		
I	Các huyện được kiểm toán	62.483.783	0	62.483.783	0	0	0	62.483.783	0	62.483.783		
1	Thành phố Lai Châu	62.483.783	0	62.483.783	0	0	0	62.483.783	0	62.483.783		
1.2	Chi đầu tư	62.483.783		62.483.783	0		0	62.483.783		62.483.783		
a	Giảm dự toán	62.483.783		62.483.783	0		0	62.483.783		62.483.783		
	Đường nối các khu dân cư với vùng sản xuất, thành phố Lai Châu (Tuyến số 1, tuyến số 3 và tuyến nối Quốc lộ 4D đến nhà máy gạch tuynen cũ) (Chi phí thẩm tra quyết toán)	62.483.783		62.483.783	0			62.483.783		62.483.783		

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KHÁC

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số kiến nghị chưa thực hiện theo Công văn số 628/KV VII-NS3 ngày 28/11/2024	Số kiến nghị đã thực hiện đến 24/3/2025	Số còn lại chưa thực hiện	Ghi chú/Bằng chứng thực hiện
	TỔNG SỐ	76.589.788.746	0	75.406.680.730	
A	Ngân sách địa phương năm 2021	76.589.788.746	0	75.406.680.730	
1	Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính đối với nội dung tạm ứng từ ngân sách Trung ương	4.480.000.000	0	4.480.000.000	
-	Tạm ứng từ nguồn ngân sách TW năm 2009 để thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin năm 2008	1.100.000.000		1.100.000.000	Bộ Tài chính chưa bố trí kinh phí thu hồi tạm ứng cho địa phương
-	Tạm ứng từ nguồn ngân sách TW năm 2009 để thực hiện nâng mức học bổng học sinh bán trú	1.960.000.000		1.960.000.000	
-	Học bổng học sinh dân tộc bán trú (tăng thêm) năm 2010	1.420.000.000		1.420.000.000	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	50.647.685.730	0	50.647.685.730	
2.1	Phối hợp với Sở Tài chính rà soát các tài liệu về việc trung ương bố trí vốn để hạch toán thu hồi nguồn vốn ứng trước dự toán năm sau từ NSTW	46.496.685.730		46.496.685.730	
-	Tạm ứng nguồn ngân sách TW năm 2008 ứng trước năm 2009	40.333.060.000		40.333.060.000	

TT	Nội dung	Số kiến nghị chưa thực hiện theo Công văn số 628/KV VII-NS3 ngày 28/11/2024	Số kiến nghị đã thực hiện đến 24/3/2025	Số còn lại chưa thực hiện	Ghi chú/Bảng chứng thực hiện
-	Ứng vốn các dự án kè biên giới theo Quyết định số 1218/QĐ-TTg ngày 6/9/2012	1.995.732.000		1.995.732.000	
-	Ứng vốn thực hiện Quyết định số 1219/QĐ-TTg ngày 6/9/2012	3.362.000.000		3.362.000.000	
-	Ứng trước năm 2010 kinh phí thực hiện giảm nghèo 61 huyện nghèo	805.893.730		805.893.730	
2.2	Bổ trí nguồn vốn thu hồi tạm ứng ứng trước dự toán năm sau ngân sách tỉnh	4.151.000.000	0	4.151.000.000	
-	Thành phố Lai Châu	4.151.000.000		4.151.000.000	
3	Kho bạc nhà nước tỉnh: Đơn đốc thu hồi tạm ứng quá hạn chưa thu hồi của các dự án	1.183.108.016			
3.1	Vốn đầu tư NSDP 2019 trở về trước	267.552.826			
a	Kế hoạch năm 2018	153.659.517	0	153.659.517	
	Trường chuyên Lê Quý Đôn	153.659.517		153.659.517	
b	Dự ứng 2017 trở về trước	19.393.309	0	19.393.309	
	Trường chuyên Lê Quý Đôn	19.393.309		19.393.309	
c	Vốn tỉnh ủy quyền huyện cấp	94.500.000	0	94.500.000	
	UBND huyện Tam Đường	94.500.000	0	94.500.000	
	Dự án đầu tư trồng rừng SX tại xã Thèn Sin	94.500.000		94.500.000	
3.2	Vốn đầu tư NSDP 2020	915.555.190	0	915.555.190	

TT	Nội dung	Số kiến nghị chưa thực hiện theo Công văn số 628/KV VII-NS3 ngày 28/11/2024	Số kiến nghị đã thực hiện đến 24/3/2025	Số còn lại chưa thực hiện	Ghi chú/Bảng chứng thực hiện
	Hệ thống thoát nước qua khu dân cư số 2 thị xã Lai Châu (nay là TP Lai Châu)	80.696.190		80.696.190	
	Tuyến kè chống xói lở bảo vệ bờ sông biên giới khu vực mốc 18(2) đến mốc 19, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè (Giai đoạn I)	640.120.000		640.120.000	
	Đường Séo Lềng - Nậm Tăm	194.739.000		194.739.000	
4	UBND Thành phố	20.126.000.000	-	20.126.000.000	
4.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch thu hồi tạm ứng	20.126.000.000	0	20.126.000.000	
-	Trung tâm phát triển quỹ đất	16.672.000.000		16.672.000.000	
-	Thu hồi vốn tạm ứng các dự án	3.454.000.000		3.454.000.000	
5	UBND huyện Tam Đường	152.995.000	-	152.995.000	
5.1	Thu hồi tạm ứng	152.995.000	-	152.995.000	
-	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tam Đường	330.000		330.000	
-	UBND Thị trấn Tam Đường	82.800.000		82.800.000	
-	UBND xã Bình Lư	69.865.000		69.865.000	